

ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Tâm

Viện Thông tin Khoa học xã hội

Tóm tắt: Văn học thiếu nhi Việt Nam xuất hiện từ thập niên 30-40 của thế kỉ XX và đã có những tác phẩm tiêu biểu nhưng phải đến sau năm 1945 mới thực sự phát triển với đội ngũ tác giả ngày càng đông đảo, nội dung phản ánh ngày càng phong phú với những nét đặc trưng riêng. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, văn học thiếu nhi Việt Nam vừa mang những đặc trưng cơ bản của văn học Việt Nam lại vừa có tính đặc thù do đối tượng phục vụ chủ yếu là thiếu nhi. Kế thừa kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước và trên cơ sở tổng hợp các nguồn tư liệu nhận định về văn học thiếu nhi Việt Nam, bài viết sẽ chỉ ra một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi Việt Nam để phần nào giúp độc giả có cái nhìn bao quát, toàn cảnh về nội dung này.

Từ khóa: Văn học thiếu nhi, Văn học Việt Nam.

Nhận bài ngày 24.5.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.6.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Tâm; Email: tampsvan@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Tính đến nay, văn học thiếu nhi Việt Nam đã có lịch sử phát triển hơn 80 năm gồm rất nhiều thế hệ nhà văn, nhà thơ. Xét trong tương quan chung với nền văn học dân tộc, văn học thiếu nhi luôn có những đặc trưng riêng để phản ánh và khắc họa hình ảnh cuộc sống, con người in đậm dấu ấn trẻ thơ. Văn học thiếu nhi đem lại cho các em những bức tranh, những bài học nhận thức về đời sống xã hội và góp phần mở rộng trí tưởng tượng của các em. Truyện cổ tích, truyện đồng thoại, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học,... đã mở ra trước mắt các em biết bao điều mới mẻ, bao câu chuyện kỳ thú, có ý nghĩa kích thích ở các em khát vọng hiểu biết, thâm nhập vào thế giới xung quanh để làm chủ nó, ý thức phấn đấu vươn lên, phát triển và hoàn thiện những khả năng tiềm tàng ở bản thân mình. Thông qua đề tài, thể loại, phương thức và biện pháp mô tả, văn học thiếu nhi Việt Nam trang bị cho các em những phẩm chất cần thiết cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, cho tư thế làm chủ tương lai. Những năm qua, văn học thiếu nhi đã đi những bước vững vàng đóng góp những thành tựu quan trọng vào nền văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

2. NỘI DUNG

2.1 Khái lược về văn học thiếu nhi Việt Nam

2.1.1 Khái niệm “Văn học thiếu nhi”

Khi nhận diện về văn học thiếu nhi, dựa trên các góc độ tiếp cận khác nhau, giới nghiên cứu trong và ngoài nước đưa ra rất nhiều định nghĩa về văn học thiếu nhi.

Xét từ góc độ đối tượng tiếp nhận, các nhà nghiên cứu định nghĩa văn học thiếu nhi thông qua độ tuổi người đọc. M.R.Margaret viết: “Tôi định nghĩa văn học cho tuổi từ sơ sinh đến 13 tuổi là văn học thiếu nhi”¹. Cùng chung ý kiến với M.R.Margaret; Temple, Martinez, Yokota và Naylor cho rằng: “Văn học thiếu nhi là tập hợp những cuốn sách đọc cho trẻ em và được đọc bởi trẻ em từ sơ sinh tới 15 tuổi”².

Từ điển thuật ngữ văn học của Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998, tr.342) định nghĩa: “Văn học thiếu nhi gồm những tác phẩm văn học hoặc phổ cập khoa học dành riêng cho thiếu nhi... Khái niệm văn học thiếu nhi cũng thường bao gồm một phạm vi rộng rãi những tác phẩm văn học thông thường (cho người lớn) đã đi vào phạm vi đọc của thiếu nhi”.

Vân Thanh, Nguyễn An trong *Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam* (Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2002, tr.6) quan niệm văn học thiếu nhi là “những tác phẩm văn học được sáng tạo ra với mục đích giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, tính cách cho thiếu nhi. Nhân vật trung tâm của nó là thiếu nhi và nhiều khi cũng là người lớn hoặc là một cơn gió, một loài vật, hay một đồ vật, một cái cây,... Tác giả của văn học thiếu nhi không chỉ là chính các em mà cũng là các nhà văn thuộc mọi lứa tuổi”.

Có thể thấy, không có định nghĩa văn học thiếu nhi duy nhất hoặc được sử dụng rộng rãi. Khái niệm hay định nghĩa về văn học thiếu nhi do nhận định chủ quan của các nhà nghiên cứu đưa ra. Nếu như thuật ngữ “văn học thiếu nhi” trong cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* vẫn chưa đưa ra một khái niệm hay định nghĩa cụ thể về văn học thiếu nhi mà chỉ giới hạn những loại tác phẩm được gọi là văn học thiếu nhi, bao gồm cả những tác phẩm không thuộc về văn học mà thuộc về khoa học phổ cập thì *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi Việt Nam* lại quan niệm về văn học thiếu nhi tương đối rộng. Khái niệm văn học thiếu nhi được nhận diện ở nhiều góc độ: chủ thể sáng tác, nhân vật trung tâm, mục đích sáng tác, đối tượng tiếp nhận. Trong nhiều cách diễn giải về văn học thiếu nhi ở trên như vậy, chúng tôi rút ra cách hiểu chung nhất như sau:

Thứ nhất, về đối tượng tiếp nhận: Văn học thiếu nhi là những sáng tác thơ hoặc văn xuôi dành riêng cho thiếu niên, nhi đồng. Thứ hai, về lực lượng sáng tác: Tác giả văn học thiếu nhi có thể là người lớn hoặc là chính các em. Thứ ba, về nội dung sáng tác: Văn học thiếu nhi có nội dung chân thực, cụ thể, sinh động, phù hợp với tâm lý, thị hiếu của thiếu nhi, hướng đến việc giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, cảm xúc, tính cách cho thiếu nhi. Thứ tư, về hình thức nghệ thuật: Văn học thiếu nhi có bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ giản dị, trong sáng, dễ hiểu, giàu sức biểu cảm, giàu chất tưởng tượng.

2.1.2 Quá trình phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam

Tổng hợp trên các nguồn tài liệu, chúng tôi nhận thấy, đại đa số các nhà nghiên cứu đều đồng nhất quan điểm phân chia văn học thiếu nhi Việt Nam thành ba giai đoạn lớn song hành cùng lịch sử văn học dân tộc là: Giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám 1945; Giai đoạn từ 1945

¹ Marshall R. Margaret (1988). *An introduction to the world of children's books*. Gower Publishing Company Hardcover, tr.2-3.

² Temple, Martinez, Yokota, Naylor (2002). *Children's books in children's hand: An introduction to thier literature*. Allyn & Bacon, Boston, tr.6

đến 1975 và giai đoạn từ 1975 đến nay. Kế thừa những nghiên cứu đi trước, chúng tôi khái quát ngắn gọn lại các chặng đường phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam cụ thể như sau:

2.1.2.1 Giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám 1945

Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng: “Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã bắt đầu xuất hiện những tác phẩm viết cho thiếu nhi”³ nhưng chưa thực có một nền văn học cho các em. Khi còn dùng chữ nho thì lẽ tề có một vài cuốn mang tính chất sách giáo khoa như *Tam tự kinh*, *Minh Tâm bảo giáo* nhằm dạy cho trẻ tuân theo những quy định của lễ giáo và đạo lý phong kiến. Sau đó, đến những năm đầu của thế kỷ XX xuất hiện một số tác phẩm dịch từ tiếng Pháp cho các em như *Thơ ngụ ngôn La Phông-ten (Jane de La Fontaine)*, truyện cổ tích *Sác-lơ Pe-rôn (Charles Parault)*. Ngoài ra, còn xuất bản loại sách “*Livre du petit*” (sách cho trẻ em bằng tiếng Pháp) để rèn luyện tiếng Pháp cho các em nhưng không nhiều và không phải trẻ em nào cũng đọc được. Nhìn chung, trước Cách mạng tháng Tám nước ta đã có những tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi nhưng chưa thực sự có nền văn học thiếu nhi.

2.1.2.2 Giai đoạn từ 1945 đến 1975

Văn học thiếu nhi trong giai đoạn này được chia làm ba giai đoạn phát triển nhỏ như sau:

* **Giai đoạn từ 1945 đến 1954:** Đây là giai đoạn văn học thiếu nhi đặt nền móng xây dựng và tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đảng và Bác Hồ đã dành sự quan tâm đặc biệt tới vấn đề phát triển một nền văn học dành riêng cho trẻ em. Nội dung chủ yếu của văn học thiếu nhi giai đoạn này đề cập đến tinh thần anh dũng của thiếu nhi trong kháng chiến hoặc nói về tình bạn và sinh hoạt của các em. Các tác phẩm tiêu biểu như *Chiến sĩ ca nô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Dưới chân cầu Mây* của Nguyễn Hồng, *Chú Giao làng Seo* của Nguyễn Tuân, *Hoa Sơn* của Tô Hoài, *Thiếu niên anh hùng* của Phong Nhã, *Đời em đến* của Đỗ Cao Đẳng, *Phác Kim Tố* của Nguyễn Xuân Sanh.

* **Giai đoạn từ 1955 – 1964:** Đây là giai đoạn văn học thiếu nhi tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Sáng tác cho thiếu nhi giai đoạn này phát triển cả về số lượng, thể loại và đề tài. Các nhà văn lấy nhân vật trẻ em làm trung tâm, miêu tả cuộc sống sinh hoạt đời thường và những thành tích, những tấm gương đóng góp của các em vào công cuộc kháng chiến của dân tộc. Các tác phẩm tiêu biểu như: *Đàn chim gáy* của Tô Hoài, *Nơi xa* của Văn Linh, *Tổ tâm giao* của Trần Thanh Địch, *Ngày công đầu tiên của cu Tí*, *Đôi bạn nhỏ* của Bùi Hiền, *Bí mật miếu Ba Cô* của Văn Trọng.

* **Giai đoạn từ 1965 – 1975:** Đây là giai đoạn văn học thiếu nhi phản ánh công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Các tác phẩm viết về đề tài này thường miêu tả cuộc sống chiến đấu của trẻ em trong vùng tạm chiếm như *Những đứa con trong gia đình*, *Mẹ vắng nhà* của Nguyễn Thi (1966), *Hồ Văn Mên* của Lâm Phương (1969), *Chú bé Cả Xên* của Minh Khoa (1963), *Đoàn Văn Luyện* của Phạm Hồ, *Út Tám* của Ngô Thông, *Em bé sông Yên* (viết về liệt sĩ Nguyễn Bá Ngọc) của Vũ Cận,...

Thời kỳ này, bên cạnh các tác giả quen thuộc như Phạm Hồ, Võ Quảng, Vũ Ngọc Bình, Thy Ngọc, Quang Huy viết cho thiếu nhi, đã có thêm những tác giả trẻ như Định Hải, Xuân Quỳnh, Ngô Viết Dinh, Trần Nguyên Đào, Thanh Hào,... Đặc biệt có các cây bút tác giả nhí

³ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.39.

làm thơ như Trần Đăng Khoa, Cẩm Thơ, Hoàng Hiếu Nhân, Chu Hồng Quý, Nguyễn Hồng Kiên, Ngô Thị Bích Hiền, Khánh Chi... mở đầu cho phong trào sáng tác của các em.

2.1.2.3 Giai đoạn từ 1975 đến nay

Đây là giai đoạn đất nước thống nhất, hòa bình. Văn học thiếu nhi tham gia vào phản ánh công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc và có những thành tựu đáng kể tạo nên sự đặc sắc, phong phú cho văn học Việt Nam.

Số lượng tác giả, tác phẩm viết cho thiếu nhi ngày càng phát triển đa dạng và phong phú. Các sách nghiên cứu về văn học thiếu nhi ra đời như: *Hoa trái đầu mùa* (Văn Hồng), *Đôi điều tâm đắc* (Vũ Ngọc Bình). Đặc biệt ở giai đoạn này xuất hiện một số tác phẩm viết cho lứa tuổi mới lớn với những biểu hiện tâm lý phức tạp như *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán), *Tuổi thơ im lặng* (Duy Khán). Năm 1992, lần đầu tiên văn học thiếu nhi đã được giới thiệu trong từ điển thuật ngữ văn học. Điều này đánh dấu bước phát triển đột phá của văn học thiếu nhi.

Tóm lại, theo dõi chặng đường phát triển của văn học thiếu nhi qua mấy mươi năm, tuy có lúc thăng, lúc trầm nhưng các nhà nghiên cứu đều nhận thấy “văn học thiếu nhi Việt Nam không ngừng phát triển theo hướng ngày càng phong phú, sâu sắc, xứng đáng là một người bạn vừa gần gũi vừa hiền hòa lại vừa thông tuệ đối với các em”⁴.

2.2 Những đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi Việt Nam

2.2.1 Văn học thiếu nhi Việt Nam giàu tính giáo dục

Tính giáo dục chính là một trong những mục đích tuyệt vời của văn học. Đối với văn học thiếu nhi, chức năng giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ thơ. Đó không đơn thuần chỉ là những kiến thức sách vở mà đó còn là những bài học tác động đến tâm tư, tình cảm, cảm xúc, cách nhìn nhận thế giới của các em. Ở lứa tuổi ý thức đang hình thành, tư duy còn chập chững, sự cảm nhận và thích ứng với thế giới bên ngoài chủ yếu thể hiện bằng cảm xúc, tưởng tượng nên thông qua văn học sẽ giúp trẻ khám phá ra những nét đẹp của thiên nhiên và con người. Cảm nhận cuộc sống, thu thập kiến thức qua văn học chính là con đường tích cực và nhẹ nhàng nhất để giáo dục trẻ em có sự phát triển toàn diện về nhân cách. Theo Nguyễn Thị Thanh Hương, ở văn học thiếu nhi, “giáo dục được coi là nhiệm vụ then chốt của người viết, là một trong những mục đích chính của tác phẩm”⁵.

Văn học thiếu nhi hướng đến đối tượng chính là các em thiếu nhi nên những bài học tác giả gửi gắm vào đó không hề giản đơn, tùy tiện mà luôn chứa một chiều sâu vừa đủ để chạm đến tâm hồn của các độc giả trẻ tuổi cũng như vừa đủ để người lớn khi đọc lại vẫn cảm thấy vỡ lẽ ra nhiều điều thú vị. Vì vậy, mỗi tác phẩm văn học thiếu nhi mang đến một bài học giáo dục cho trẻ em theo những cách khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào việc các em giải mã tác phẩm thế nào. Mỗi em có một cách đọc, một cách nhìn nhận và lí giải tác phẩm khác nhau. Nhà văn sẽ mã hóa thông điệp của mình vào một hình ảnh, một chi tiết hay một nhân vật nào đó trong tác phẩm của mình. Việc của các em sẽ là đọc và giải mã những thông điệp đó. Sáng tác văn học thiếu nhi phải chứa đựng ý nghĩa giáo dục nhất định nhằm hướng tới sự phát triển nhân cách của trẻ em. Tất nhiên, bài học giáo dục không thể khô cứng, giáo điều, sống sượng như

⁴ Phong Cẩm (2021). *Khái quát về văn học thiếu nhi Việt Nam*. Diễn đàn *Văn học trẻ trực tuyến*.

⁵ Nguyễn Thị Thanh Hương (2016). Nhân vật trẻ em trong văn xuôi thiếu nhi Việt Nam. *Luận án Tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.10.

một lời răn dạy. Bài học ấy phải được truyền tải một cách nghệ thuật khiến trẻ em thích thú, say mê và hưởng ứng tự nguyện.

Nhấn mạnh vào chức năng giáo dục của văn học thiếu nhi Việt Nam, các nhà phê bình Hà Thị Kim Yến, Lê Thị Quế, Võ Quảng, Tô Hoài đã có những nhận định vô cùng xác đáng nhằm khẳng định “chức năng giáo dục là chức năng hàng đầu của văn học thiếu nhi Việt Nam”⁶. Cụ thể, theo Hà Thị Kim Yến, “nói đến các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của văn học thiếu nhi chúng ta không thể không nói đến những bài học nhân văn nhẹ nhàng và sâu lắng mà bộ phận văn học này đem lại. Mỗi câu chuyện, bài thơ viết cho thiếu nhi đều chứa đựng trong đó một bài học quý giá”⁷. Lê Thị Quế trong Luận án Tiến sĩ *Thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay* (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, tr.56) chỉ ra: “Tính giáo dục là một trong những đặc trưng cơ bản có tính chất sống còn của nền văn học thiếu nhi”. Còn theo Tô Hoài: “Nội dung một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi bao giờ cũng quán triệt vấn đề xây dựng đức tính con người. Một tác phẩm chân chính có giá trị đối với tuổi thơ là một tác phẩm tham dự mạnh mẽ vào sự nghiệp nên người của bạn đọc ấy”⁸. Có thể thấy, văn học thiếu nhi có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người ngay từ thuở ấu thơ. Mỗi tác phẩm văn học không chỉ góp phần bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao năng lực cảm thụ cái đẹp, tiếp thu dần những tri thức cần thiết trong đời sống mà còn giúp cho trẻ phát triển trí tuệ, mở rộng sự hiểu biết và phát triển toàn diện về nhân cách.

Trong văn học thiếu nhi, mối quan hệ giữa tác giả và độc giả là quan hệ không cân xứng. Tác giả chủ yếu là người lớn đã hầu như không thể nhìn cuộc sống như trẻ thơ; độc giả, phần lớn là trẻ em với những đặc điểm tâm sinh lý riêng biệt mà người lớn, dù đã từng là trẻ nhỏ, không thể có lại được. Bởi vậy, người viết muốn tác phẩm đến gần với trẻ thơ, được trẻ thơ đón nhận, buộc phải hóa thân vào thế giới của trẻ em, mang con mắt và cảm nhận của trẻ em. Nhưng trên thực tế không ít người rơi vào cảnh cửa sừng làm nghệ. Trường hợp thành công thường ở những nhà văn đã vượt qua được ranh giới của người trưởng thành để bước sang địa hạt trẻ thơ nhưng dù vậy, những sáng tác đó cũng chỉ là các bán thành phẩm. Viết cho trẻ thơ thực ra là xuất phát từ trải nghiệm của một người lớn sâu sắc, từng trải và từ chính trong những suy nghiệm ấy, nhà văn mới thấy được cái trong trẻo, đẹp đẽ của tuổi thơ. Đó là một tuổi thơ đã được trực vớt, phát hiện qua lăng kính của một người trưởng thành. Cho nên, “dẫu soi rọi được thế giới trẻ thơ, tác phẩm thiếu nhi vẫn tồn tại một tiếng nói người lớn. Sự hiện diện này cũng là lẽ tất yếu khi văn học thiếu nhi vẫn phải thực hiện chức phận chính của nó: giáo dục”⁹

Để chức năng giáo dục có hiệu quả, các nhà văn, nhà thơ không thể nói với các em bằng những lời thuyết giáo khô khan mà phải bằng hình tượng nghệ thuật, bằng ngôn ngữ giản dị, trong sáng, đưa các bài học đến một cách tự nhiên thông qua sự thích thú của bạn đọc nhỏ tuổi.

⁶ Võ Quảng (1977). Mấy suy nghĩ về đặc trưng và chức năng giáo dục của văn học thiếu nhi. *Tạp chí Văn học*, số 1(163), tr.94.

⁷ Hà Thị Kim Yến (2018). *Những yếu tố làm nên sức hấp dẫn của văn học thiếu nhi*. *Tạp chí điện tử Văn nghệ Thái Nguyên*, Số ra ngày 31/5/2018.

⁸ Vân Thanh (2003). *Văn học thiếu nhi Việt Nam: Nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận – tư liệu*. Tập 2, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, tr.302

⁹ Nguyễn Thị Thanh Hương (2016). Nhân vật trẻ em trong văn xuôi thiếu nhi Việt Nam. *Luận án Tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.10.

Cũng là nói với trẻ rằng đây là điều hay, kia là lẽ phải; nên làm thế này, không nên làm thế kia, song văn học thiếu nhi không thể hiện theo kiểu áp đặt, giáo điều, khô khan mà thông qua nội dung câu chuyện hoặc cách suy nghĩ cũng như hành động của các nhân vật trong tác phẩm một cách đầy tự nhiên, nhẹ nhàng và sâu lắng. Tuy nhiên, chỉ những nhà văn, nhà thơ viết cho thiếu nhi đích thực, thật sự tài năng, biết đặt mình vào vị trí của trẻ thơ, thấu hiểu sâu sắc suy nghĩ, tâm lý của trẻ thơ mới có thể khéo léo xen lồng ý nghĩa giáo dục vào trong các tác phẩm một cách tinh tế, không khiên cưỡng, khiến các em thích thú. Từ sự thích thú với tác phẩm, trẻ sẽ ngấm một cách tự nhiên những bài học giáo dục trong tác phẩm và học theo, làm theo những gì tốt đẹp, tránh xa những suy nghĩ, hành vi hoặc việc làm không nên. X.Mác-sắc có nhận xét xác đáng: “Các em không sợ một bài học luân lý được nói ngay ra. Các em chỉ sợ một cùi dĩa nước đường rót ra một cách lừa bịp làm dụ một món thuốc toàn những câu dạy đời đáng không nuốt được”¹⁰. Sâu sắc mà không ồn ào, dạy mà như không dạy, đó chính là biện pháp giáo dục độc đáo của văn học thiếu nhi.

Trong thực tế cũng có không ít tác giả viết cho thiếu nhi lại đặt cao mục đích giáo huấn, quá coi trọng việc giáo dục luân lý cho trẻ nên tác phẩm viết ra thường khô khan, cứng nhắc, không phù hợp với trẻ. Họ dường như lãng quên quá khứ và đánh mất tuổi thơ của chính mình để rồi giáo dục con trẻ bằng những điều răn đe cấm kị, những việc mà xưa kia chính họ cũng chẳng mấy thích thú. Họ quên rằng, chơi đùa đúng nghĩa, tích cực sẽ giúp trẻ em phát triển trí tuệ, sáng tạo, mang lại bao điều bổ ích. Chính vì thế độc giả nói chung và độc giả là trẻ em nói riêng sẽ không thích tiếp nhận những tác phẩm như vậy.

Nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn đã nói về những tác giả, tác phẩm viết cho thiếu nhi hơi hợt, phản cảm trong cách giáo dục trẻ trong bài viết “Ra vườn nhật nắng” đăng trên *Tạp chí điện tử Văn nghệ Thái Nguyên*, ngày 05/7/2016 như sau: “Chả biết do tay phù thủy nào, mà văn học thiếu nhi của ta suốt thời này cứ già ngay từ lúc còn hoài thai. Chả mấy bài không chèn ềnh cái bực giáo huấn. Chưa đặt bút đã nhắm nhắm xem chỗ nào đây có thể nhét được giáo điều. Đất sống từng bài thì huấn thị cứ chiếm sạch”. Ý kiến nhận xét này của nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn thật đúng và sâu sắc vì đã phản ánh được thực tế sáng tác của nhiều nhà văn, nhà thơ viết cho thiếu nhi ở Việt Nam hiện nay. Đó là những nhà văn, nhà thơ có tư tưởng sai lầm là dùng văn chương để dạy trẻ theo cách của mình. Và đúng như nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn đã nói, sáng tác của những tác giả đó “hắc vị dạy, nhạt vị thơ bảo sao trẻ không ngán được chứ!”¹¹.

Như vậy, để làm nên cái hay, cái đẹp và sức hấp dẫn của văn học thiếu nhi thì phải cần đến sự kết hợp của nhiều yếu tố, trong số đó có những bài học giáo dục nhân văn nhẹ nhàng và sâu lắng. Trong thực tế, các nhà thơ thiếu nhi Vàng Anh, Trần Đăng Khoa,... hay nhà thơ, nhà văn viết cho thiếu nhi Phạm Hồ, Xuân Quỳnh, Võ Quảng, Nguyễn Thế Hoàng Linh, Nguyễn Nhật Ánh, Trần Đức Tiến,... đã thực sự rất thành công và tạo ra được phong cách độc đáo riêng bởi đã kết hợp rất nhuần nhuyễn, khéo léo các yếu tố giáo dục đầy nhân văn trong tác phẩm của mình. Điều đó càng khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa của tính giáo dục đối với việc làm nên sức hấp dẫn cũng như giá trị của văn học thiếu nhi Việt Nam.

¹⁰ X.Mác-sắc (1954). *Vấn đề sáng tác cho thơ thiếu nhi*. Nxb. Văn nghệ, Hà Nội, tr.26.

¹¹ Chu Văn Sơn (2016). Ra vườn nhật nắng và giọt sương thơ. *Tạp chí điện tử Văn nghệ Thái Nguyên*, Số ra ngày 05/7/2016.

2.2.2. Văn học thiếu nhi Việt Nam phản ánh chân thực cuộc sống hồn nhiên, tươi vui, sinh động của trẻ em

Nói đặc trưng đầu tiên của văn học thiếu nhi Việt Nam là phản ánh chân thực cuộc sống hồn nhiên, tươi vui, sinh động của trẻ thơ là bởi “đối tượng phản ánh và tiếp nhận chủ yếu của văn học thiếu nhi là trẻ em với tính cách, tâm lý, xúc cảm, tình cảm, nhãn quan khác biệt so với người lớn”¹². Điều này chi phối đến nội dung cũng như các phương thức nghệ thuật trong sáng tác. Vì viết về trẻ em, viết cho trẻ em nên nội dung các tác phẩm viết cho thiếu nhi thường trong trẻo, tươi sáng, phù hợp với đặc điểm tư duy, thẩm mỹ của trẻ.

Nó giải thích tại sao trong thời hiện đại, khi văn học người lớn chuyển hướng khai thác những vấn đề về sự phi lý, hiện sinh thì văn học thiếu nhi vẫn “gợi mở về một thế giới rộn ràng, tươi nguyên, thuần khiết, mặc dù trong đó không phải không có những xung đột phức tạp bởi trẻ em cũng là một phần của đời sống hiện đại, song nó luôn được khai thác, xử lý phù hợp với trẻ thơ”¹³.

Bản chất của trẻ em là sự ngộ nghĩnh, ngây thơ. Theo Võ Thu Hương: “Thiếu nhi ở thế hệ nào cũng có chung những niềm yêu thích, sự rung cảm, sự trong trẻo, hồn nhiên vốn có. Ở thế hệ nào thì thiếu nhi cũng vẫn mang trong mình trái tim tươi vui, nhân hậu, yêu cả từng cái cây, bông hoa, con chó, con mèo...”¹⁴. Các em chưa bị áp lực cuộc sống từ miếng cơm, manh áo cũng như sự ràng buộc của xã hội làm tha hóa. Đời sống tinh thần của các em tự nhiên, lành mạnh dù người lớn chúng ta có cố tình nhồi nhét vào đầu trẻ em hàng trăm thứ mà người lớn chúng ta có được thì muôn đời trẻ em vẫn cứ là trẻ em. Hồn nhiên, vô tư, trong sáng là đặc điểm ổn định trong mọi chuyển biến của lứa tuổi bởi vì đây là lứa tuổi còn say mê chơi đùa, nhu cầu vui chơi giải trí xuyên suốt mọi hành vi, mọi hoạt động của các em. Khi nào mất đi đặc điểm ấy, trẻ em không còn là trẻ em nữa. Một tác phẩm văn học bỏ qua đặc điểm này tức là tự nó xa lạ với các em. Nhiều tác phẩm của quá khứ, khi sáng tác các nhà văn cố nhiên không ý thức đến điều này nhưng vẫn được trẻ em yêu thích, tìm đọc chỉ vì bản thân nghệ sĩ nhiều khi nói đến những vấn đề lớn nhưng vẫn không đánh mất cái chất hồn nhiên, chân thật của tuổi thơ.

Văn học thiếu nhi trong xu hướng hiện đại hóa cho các em tiếp cận dần những phức tạp của cuộc sống tương lai nhưng vẫn luôn thể hiện được sự hồn nhiên, ngây thơ của các em trong hành động, tư duy, cách cảm, cách nghĩ. Điều này sẽ biến mọi thứ không logic sẽ trở thành hoàn toàn logic trong thế giới trẻ thơ và làm nên sức hấp dẫn của văn học thiếu nhi.

Để mỗi tác phẩm đi vào đời sống tâm hồn trẻ em, đội ngũ sáng tác cần phản ánh chân thực cuộc sống hồn nhiên, tươi vui của các em và phải xuất phát từ trải nghiệm tuổi thơ để khắc họa chân thực, sinh động những sự vật, sự việc, hiện tượng tồn tại, gắn bó xung quanh cuộc sống của các em. “Chính trong những suy nghiệm ấy, nhà văn mới thấy được cái trong trẻo, đẹp đẽ,

¹² Nguyễn Thị Thanh Hương (2016). Nhân vật trẻ em trong văn xuôi thiếu nhi Việt Nam. *Luận án Tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.10.

¹³ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.61.

¹⁴ Võ Thu Hương (2021). *Viết cho thiếu nhi phải mang tâm hồn trong trẻo của trẻ thơ*. Báo điện tử *Đồng Nai*, số ra ngày 31/07/2021.

đặc điểm tâm sinh lý riêng biệt”¹⁵. Từ đó, các em không chỉ có thêm những hiểu biết về cuộc sống muôn màu mà còn được mở rộng trí tưởng tượng, làm giàu có thêm tâm hồn và thị hiếu thẩm mỹ.

Nhìn cuộc sống qua lăng kính trẻ thơ, văn học thiếu nhi sẽ mang dấu ấn tư duy đúng lứa tuổi. Đó là sự lí giải, cắt nghĩa các sự vật, hiện tượng của đời sống diễn ra xung quanh các em chứ không phải là sự lí giải của khoa học. Võ Quảng từng chia sẻ kinh nghiệm viết cho thiếu nhi của mình: “Nội dung của các sáng tác dành cho thiếu nhi là các vấn đề về chủ đề, đề tài, về phương pháp thể hiện, cũng là các vấn đề về thể loại, về phong cách ngôn ngữ. Tất cả những cái đó phải được thể hiện thế nào cho phù hợp với đôi mắt và con tim của mỗi lứa tuổi”¹⁶. Việc nhìn nhận, khám phá thế giới khách quan qua đôi mắt trẻ thơ sẽ giúp cho các tác giả viết cho thiếu nhi “thể hiện một cách chân thực nhất những tình cảm, cảm xúc hồn nhiên, trong trẻo, đáng yêu của trẻ như những gì vốn có của nó”¹⁷.

Hồn nhiên, vui tươi, thích tìm hiểu, ưa khám phá, thích chạy nhảy, nô đùa là bản tính của trẻ thơ. Các em gửi gắm niềm vui từ tâm hồn mình vào thế giới tươi đẹp. Vì thế, người cầm bút sáng tác cho các em phải thâm nhập vào thế giới của các em để có được cái nhìn hồn nhiên, phản ánh hiện thực theo cách nhìn, cách nghĩ “phù hợp với tâm sinh lý các em”¹⁸ thì tác phẩm mới đem lại sự thành công. Nhà văn có tài năng đích thực thường không ngại bất cứ đề tài phức tạp nào nhưng xử lý một cách hợp lý với tâm lý các em là một vấn đề tinh tế cần suy nghĩ. Quang Huy cho rằng: “Niềm vui, như là một lẽ sống của các em. Văn học cho thiếu nhi bao giờ cũng phải vui tươi, ngộ nghĩnh. Đằng sau mỗi tác phẩm phải giấu những nụ cười. Các em không phải là những ông cụ non, không chấp nhận những tác phẩm khô khan, nghiêm nghị quá mức. Mỗi tác phẩm không phải là một lời giáo huấn sáo rỗng và lột hết mọi say đắm, hồn nhiên, dí dỏm của đời sống tuổi nhỏ”¹⁹. Giải trí và vui đùa là phương tiện quan trọng để trẻ em giữ được bản chất hồn nhiên, trong sáng, vô tư và điều quan trọng hơn là không làm cho các nội dung phức tạp của cuộc sống đời thường ảnh hưởng đến các em. Văn học cho thiếu nhi chứ không phải là văn học cho người lớn nên muốn văn học đi vào đời sống tâm hồn của các em, người viết cần lựa chọn đề tài, chủ đề sao cho phù hợp và xuất phát từ điểm nhìn trẻ thơ để khắc họa sinh động những sự vật, sự việc, hiện tượng tồn tại xung quanh cuộc sống của trẻ, gắn bó với tuổi thơ hồn nhiên của các em. Nếu như văn học dành cho người lớn thường hướng tới cái cao xa, trừu tượng. Sức nặng của mỗi tác phẩm nằm ở phần chìm, ẩn sâu đằng sau lớp vỏ ngôn từ thì trái lại văn học dành cho thiếu nhi lại phải đảm bảo phản ánh chân thực cuộc sống hồn nhiên, vui tươi, sinh động của trẻ em. Điều này xuất phát từ đặc điểm tâm lý tiếp nhận của trẻ thơ. Với những tác phẩm có nội dung càng gần gũi với đời sống tâm hồn của các em sẽ khiến

¹⁵ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.62.

¹⁶ Vân Thanh (2003). *Văn học thiếu nhi Việt Nam: Nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận – tư liệu*. Tập 1, Nxb. Kim Đồng, tr.737.

¹⁷ Lê Thị Quế (2022). Thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.52.

¹⁸ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.62.

¹⁹ Vân Thanh (2003). *Văn học thiếu nhi Việt Nam: Nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận – tư liệu*. Tập 1, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, tr.354-355.

các em dễ dàng đón nhận hơn, từ đó tác động sâu sắc, lâu bền đến tâm hồn, tình cảm của các em. Tác phẩm kết thúc cũng là lúc các em vỡ òa trong niềm vui, trong nhận thức khi khám phá ra những tri thức, những bài học, những thông điệp giản dị mà sâu sắc được các tác giả gửi gắm trong đó.

2.2.3. Văn học thiếu nhi kích thích, phát huy năng lực tưởng tượng, sáng tạo của các em

Tưởng tượng và sáng tạo là những yếu tố không thể thiếu, có vai trò quan trọng trong quá trình sáng tác văn học của người nghệ sĩ viết cho thiếu nhi. Văn học thiếu nhi vốn cũng phải thực hiện các chức năng của văn học nói chung nhưng nếu thiếu đi khả năng phát huy năng lực tưởng tượng và sáng tạo ở các em thì văn học thiếu nhi “sẽ không tồn tại trong một sự phân biệt rành rõ với văn học người lớn”²⁰.

Theo Lê Thị Quế, tưởng tượng trong văn học thiếu nhi là “sự đối lập giữa các yếu tố thực và ảo để tạo ra sự hứng thú cho các em”²¹. Hoàng Phê định nghĩa tưởng tượng là “tạo ra trong tâm trí hình ảnh những cái không có ở trước mắt hoặc chưa hề có”²². Nguyễn Lân cho rằng tưởng tượng hướng đến “xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở kinh nghiệm của cá nhân và thực tiễn đời sống”²³. Còn Trần Thị Thu Hà thì khẳng định, văn học thiếu nhi “cần nhiều cách điệu, khoa trương, nhiều mộng mơ, tưởng tượng táo bạo”²⁴ thì mới thu hút được sự tò mò, hứng thú ở trẻ em.

Có thể thấy, tưởng tượng là một hoạt động tinh thần vô cùng quan trọng ở trẻ. Đây là yếu tố góp phần tích cực vào hoạt động tư duy, nhận thức của trẻ “những người chưa quen với những chuyện tầm thường của cuộc sống, chưa được những kinh nghiệm cay đắng làm cho khôn ngoan và rất dễ tin vào đủ chuyện có thật”²⁵. Vì vậy, văn học thiếu nhi thường tạo lập những hình ảnh đặc sắc nhờ so sánh, liên tưởng bất ngờ chấp cánh cho ước mơ, trí tưởng tượng và sự sáng tạo ở các em.

Tưởng tượng và sáng tạo xuất phát từ bản chất ngây thơ mà trẻ em nào cũng có. Các em ngộ nghĩnh, dễ thương, dễ hờn dỗi, hay mộng mơ. Đôi mắt trẻ thơ là khoảng trời xanh, áng mây trắng đi vào mắt chúng là cả một ảo giác về tương lai. Trong trăm năm của một đời người, khoảnh khắc tuổi thơ là cõi lãng mạn mê mẩn nhất. Phương diện tâm lý này trở thành đặc điểm quan trọng của văn học thiếu nhi.

Trong văn học thiếu nhi, tưởng tượng và sáng tạo là “thiên tính rõ nét nhất của lứa tuổi từ ấu thơ cho đến lúc thành niên. Hiện thực đối với các em là những gì đang có, rất nghèo nàn, có khi chỉ là những gì trẻ thấy xung quanh góc sân hay khoảng trời, con đường hay mái trường chúng đang học tập. Quan hệ xã hội có khi chỉ là những cảm đoán làm cho chúng thấy luôn bị

²⁰ Phong Lê (1993). Đi tìm đặc trưng của văn học cho thiếu nhi. *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.27.

²¹ Lê Thị Quế (2022). Thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.55.

²² Hoàng Phê chủ biên (2014). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng, tr.1399

²³ Nguyễn Lân (2003). *Từ điển từ và từ ngữ Hán Việt*. Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.756

²⁴ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.62.

²⁵ M.Arnau đốp (1978). *Tâm lý học sáng tạo văn học* (Hoài Lam và Hoài Ly dịch). Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.260.

tù túng. Đó là lí do trẻ em cần có một thế giới riêng khác, lãng mạn hơn, thơ mộng hơn, thế giới của những ảo tưởng”²⁶.

Văn học dành cho lứa tuổi nào, dù là trẻ em hay người lớn cũng cần phải có một chút lãng mạn, mộng mơ, một chút tưởng tượng hoặc đôi phần hư cấu. Đó chính là niềm tin, khát vọng của con người mà thiếu nó tác phẩm trở thành bản kê khai đơn giản những sự kiện hàng ngày của đời sống. Quan niệm văn học càng ngày càng gần gũi với đời sống có lẽ thích ứng với người lớn hơn là đối với trẻ em. Văn học thiếu nhi không thể là một thế giới khép kín mà phải là một thế giới đầy mơ ước và sáng tạo để trẻ thên thang bước tới tương lai. Chúng phải được nhìn thấy ánh sáng nhiều hơn bóng tối, cái đáng yêu nhiều hơn đáng ghét, cái vui vẻ nhiều hơn những buồn phiền.

Nếu văn học nói chung phải gần gũi với đời sống thì văn học thiếu nhi nói riêng phải gần gũi với đời sống của chính các em. Các em sống bằng tinh thần hơn vật chất, bằng niềm vui hơn là những toan tính, lo lắng đời thường. Không cần nói đến việc giải tỏa bao nhiêu căng thẳng của đời sống thường nhật, với các em, những khi giải trí là cả một thế giới mới đang mở ra. Các em có thể tưởng tượng ra cả một tòa lâu đài ngoài khơi xa, nàng tiên dưới đáy đại dương hay thần tiên ở trên trời. Đó chính là lí do vì sao các em rất thích huyền thoại, thần thoại, truyện giả tưởng, cổ tích, truyện khoa học viễn tưởng hơn là những sự thật trong lịch sử, những trang sách giáo khoa, những công thức khoa học, định lý, định luật. Thế giới tưởng tượng và sáng tạo mộng mơ đã chấp đôi cánh thần tiên cho các em đi vào cõi huyền diệu vũ trụ. Viết được những trang văn, trang thơ giàu chất lãng mạn, mộng mơ, giàu sự sáng tạo là giúp cho trẻ em nhìn thấy được chính mình trong tác phẩm. Khi không thấy được bóng dáng của mình trong tác phẩm, các em như lạc vào một thế giới xa lạ mà chúng chưa bao giờ tin đó là sự thật và sự thật của trẻ em đơn giản là sự thật mà chính mình muốn giải bày, khao khát chứ không phải là sự thật như người lớn chúng ta nghĩ. Chúng ta nên hiểu rằng, “bất cứ thứ gì cũng có thể nhồi nhét vào đầu trẻ em. Chúng không có trạng thái bão hòa hay bội thực như người lớn nhưng trẻ em có một bộ lọc tự nhiên rất tinh tế. Thường những kiến thức chúng không thích sẽ khó ăn nhập vào trong bộ nhớ hoặc bị đào thải nhanh chóng hoặc bị rối loạn tư duy, hoặc trở thành cái máy của hành vi bất chước. Nếu chúng ta cứ dùng quân phiệt ép buộc với các em thì hậu quả làm cho trẻ sợ hãi, giết chết dần sự sáng tạo và phát triển trí tuệ của các em”²⁷.

Chúng ta quan sát các em xem phim hay đọc sách cũng thấy rằng đứa trẻ nào cũng đam mê tưởng tượng và sáng tạo. Chúng có thể xem hàng giờ, xem đi, xem lại không chán và chúng có thể tự cảm nhận, hiểu và không cần ai giảng giải. Tất cả những yếu tố như phép thuật, thần tiên, quỷ quái, ma thuật; các yếu tố hoang đường, kỳ dị, nghịch lý đều dễ dàng kích thích trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của các em, khắc sâu vào trong tâm trí các em những hình ảnh, biểu tượng, thần tượng. Khi thế giới này còn trẻ em, những yếu tố tưởng tượng và sáng tạo vẫn cần thiết cho sáng tác. Chúng ta không sợ các em hiểu sai lệch thế giới xung quanh chúng ta mà có khi qua những yếu tố sáng tạo kỳ kỳ các em càng hiểu sâu hơn cái bình thường. Các em đọc sách khoa học biết rõ tổ tiên loài người là vượn người nhưng nói người Việt chúng ta con Rồng

²⁶ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.67.

²⁷ Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.69.

cháu Tiên cùng sinh ra trong cái bọc trăm trứng lại chẳng ý nghĩa sâu sắc hơn sao? Với văn học thiếu hiện đại, người viết phải tinh tế hơn trong việc tạo ngưỡng cho những liên tưởng và sáng tạo. Yếu tố tưởng tượng và sáng tạo không phải bao giờ cũng đồng nhất với cái gọi là hoang đường. Bản chất của những yếu tố ấy thực hơn cả sự thực bởi vì đó là sự thực của cái nhìn, sự thực của tư tưởng, sự thực của tâm hồn. Tính chất lạ hóa của văn học biến cái đời thường, tầm thường trở thành phi thường, cái nhỏ bé thành lớn lao, cái vô tri vô giác trở nên có hồn, cái đơn giản, vô nghĩa trở thành có nghĩa.

“Văn học là một môn học rất cần thiết và không thể thiếu được trong cuộc sống con người, đặc biệt đối với trẻ em. Văn học đem lại cho trẻ những hiểu biết đầu tiên về bản thân, về cuộc sống xung quanh, văn học không những nuôi dưỡng trẻ mà còn phát triển ở trẻ trí tưởng tượng óc sáng tạo nghệ thuật”²⁸. Vì vậy, đừng sợ quá nhiều yếu tố tưởng tượng và sáng tạo sẽ làm cho trẻ em nghi ngờ những chân lý khoa học hay sợ hãi cái thế giới phức tạp của chúng ta. “Ngược lại, chính những nhân tố ấy lại có khả năng kích thích trí tưởng tượng và sự sáng tạo của trẻ thơ, đưa trẻ thơ du hành vào những thế giới mới mẻ, giàu ý nghĩa hơn những cái đời thường tẻ nhạt”²⁹.

2.2.4. Văn học thiếu nhi Việt Nam có ngôn từ trong sáng, giản dị, dễ hiểu, giọng điệu đa dạng, linh hoạt, lời cuốn

Văn học thiếu nhi luôn là cuộc hành trình thú vị tìm về với thời ấu thơ, với những thanh âm trong trẻo nhất, hồn nhiên nhất. Như một sự cộng hưởng với những âm thanh cuộc sống đa dạng, ngôn từ và giọng điệu trong văn học thiếu nhi hôm nay cũng có những sắc diện, những dư vị, những biến điệu riêng.

Văn học thiếu nhi Việt Nam sử dụng một thứ ngôn từ rất chọn lọc, giản dị, trong sáng, dễ hiểu và ngắn gọn. Sau lớp vỏ ngôn từ là những hình tượng, những thông điệp nghệ thuật độc đáo khẳng định sự sáng tạo, nghiêm túc của những người phụ chữ. Lê Thị Quế trong Luận án Tiến sĩ của mình đã nhận ra ngôn ngữ trong văn học thiếu nhi là lời ăn tiếng nói của các em nên “có nhiều từ tượng hình, tượng thanh, động từ, tính từ miêu tả tạo nên sắc thái tươi vui, kích thích trí tưởng tượng, sáng tạo của trẻ. Mọi sự diễn đạt cầu kì, nặng về lí trí, suy tư đều không phù hợp”³⁰. Nói vậy là bởi những loại từ này có khả năng tạo nên sắc thái cụ thể, tác động trực tiếp vào giác quan của trẻ; kích thích và khơi gợi trí tưởng tượng, sự sáng tạo của trẻ. Từ đó trẻ có thể dễ cảm nhận, dễ hiểu và dễ rung động trước các hình ảnh, nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Nhiều tác phẩm đã đi sâu vào tâm hồn, tình cảm các em như *On thầy, Ngựa hồng ngựa tía* (Dương Thuấn), *Là thầy cô của em*, *Mưa xuân* (Nguyễn Lâm Thắng), *Khúc ru cho bố* (Đỗ Nhật Nam), *Thì thầm* (Phùng Ngọc Hùng), *Lắng nghe* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Lời thì thầm của gió* (Lê Thị Thu Thủy),...

Một đặc điểm nữa của ngôn ngữ trong văn học thiếu nhi là kết cấu ngôn ngữ trùng điệp được sử dụng khá nhiều như chính một đặc điểm tâm lí của trẻ em. Những câu dài cũng thường

²⁸ Hiền Anh (2017). *Văn học kích thích trí tưởng tượng phong phú của trẻ thơ*. Báo điện tử *Giáo dục và thời đại*, số ra ngày 20/08/2017.

²⁹ Trần Thị Thu Hà (2022). *Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.70.

³⁰ Lê Thị Quế (2022). *Thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay. Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.54.

được “tự động” chia cắt thành nhiều câu ngắn theo đúng lối nghĩ, lối nói của các em. Đối với trẻ, hình thức hội thoại hình thành sớm hơn là độc thoại. Cho nên, ngôn ngữ hướng tới cũng là ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật. Có thể dẫn ra một số tác phẩm như: *Ngủ rồi, Thỏ dùng máy nó*(Phạm Hồ), *Kể cho bé nghe* (Trần Đăng Khoa), *Chuyện vui đêm rằm* (Hoài Khánh), *Sắc hè* (Lê Vân),...

Trong cuộc sống, muốn trẻ thích điều gì đó thì phải làm sao để trẻ không chán cái đó. Văn học cũng vậy. Nếu để trẻ chán thì các bé sẽ không còn muốn đọc, không còn muốn nghe nữa. Bởi thông thường ở trẻ, khả năng tập trung chưa cao, tính kiên trì hạn chế, cái gì khó và quá khó sẽ khiến trẻ ngại và chán. Vì vậy ngôn ngữ trong văn học thiếu nhi có một đặc trưng và cũng là một trong những yếu tố làm nên sự lôi cuốn đối với trẻ. Đó là sự ngắn gọn, rõ ràng. Tác phẩm ngắn sẽ giúp trẻ dễ nhớ, dễ thuộc; ngôn từ rõ ràng sẽ giúp trẻ dễ đọc và dễ hiểu. Chỉ những bài thơ, câu chuyện dễ nhớ, dễ đọc, dễ thuộc, dễ hiểu thì trẻ mới thích và thích được lâu. Vì vậy, ngôn từ ngắn gọn, rõ ràng cũng là một trong những yếu tố góp phần làm nên sự gắn bó, yêu mến của trẻ đối với văn học thiếu nhi.

Trẻ em nào cũng dễ bị hấp dẫn bởi màu sắc, hình tượng và cũng đặc biệt thích tìm tòi, khám phá. Vì vậy mà “văn học viết cho thiếu nhi đã lấp đầy những con khát huyền diệu đó bằng những từ ngữ giàu màu sắc, lấp lánh, tươi vui, đồng thời cũng mở ra chân trời của sự mới lạ qua phép so sánh, nhân hoá trữ tình”³¹. Để trẻ em khám phá tác phẩm nghệ thuật qua ngôn từ là một con đường song cũng cần xem xét mối quan hệ giữa ngôn từ và nội dung để trẻ không sa vào những cách tiếp cận cực đoan. Người viết cần chú ý đúng mực đến tính sáng tạo của ngôn từ để trẻ em có thể dễ giảng giải mà được những giá trị tiềm ẩn mà nội dung tác phẩm muốn truyền tải. Bởi “ngôn từ nghệ thuật là một hiện tượng do nghệ sĩ sáng tạo theo quy luật chung của nghệ thuật, nó in đậm dấu ấn chủ quan của người sáng tác. Ngôn ngữ khi đi vào tác phẩm nghệ thuật đã mang những nét cách điệu, hay nói cách khác, tự bản thân ngôn từ nghệ thuật đã sáng tạo ra các hình tượng ngôn từ, cung cấp cho nghệ thuật những biểu tượng, những hình thức biểu đạt mới mẻ”³² và do vậy, làm cho trẻ em cảm thụ đời sống cũng như ngôn từ một cách sáng tạo hơn.

Cùng với ngôn ngữ, giọng điệu là một trong những yếu tố quan trọng để tác giả xây dựng nên hình tượng nhân vật và thể hiện được đặc trưng phong cách của họ. “Linh hồn của một tác phẩm phụ thuộc rất lớn vào giọng điệu”³³. Qua khảo sát các công trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, hầu hết các học giả đều chỉ ra giọng điệu trong văn học thiếu nhi Việt Nam tương đối đa dạng. Sự đa dạng thể hiện ở chỗ, khi viết về loài vật, các tác giả thường sử dụng chất giọng hồn nhiên, dí dỏm. Chẳng hạn như các tác phẩm *Chú dế ăn trắng, Nai con, Sứa bóng* (Dương Thuần), *Cún con và chó tượng, Chú vịt con* (Nguyễn Lâm Thắng), *Mèo đi câu cá* (Thái Hoàng Linh), *Chú mèo trong tranh* (Lê Thị Hoàng Diệp). Khi viết cho con lại là giọng thủ thỉ, tâm tình, dịu dàng như *Bà ngoại xì tin, Bình yên con hát* (Đỗ Nhật Nam), *Ngôi nhà của cha*

³¹ Bùi Thanh Truyền, Trần Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thanh Tâm (2012). *Giáo trình Văn học 2*. Nxb. Đại học Huế, tr.36.

³² Bùi Thanh Truyền, Trần Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thanh Tâm (2012). *Giáo trình Văn học 2*. Nxb. Đại học Huế, tr.40

³³ Nguyễn Thị Thanh Xuân (2017). Giọng điệu nghệ thuật trong truyện ngắn Ma Văn Kháng thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 2(33), tr.170.

(Dương Thuấn), *Mẹ* (Đoàn Thị Lam Luyến), *Quà tặng con* (Lương Ngọc Quý), *Về thăm ngoại* (Nguyễn Thị Thùy Linh), *Gia đình* (Bùi Thị Thu Hằng). Còn khi viết về những thiếu niên dũng cảm các tác giả lại sử dụng chất giọng ngợi ca để viết như *Lượm* (Tố Hữu), *Bài thơ Chị Võ Thị Sáu* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Tuổi thơ dĩa dĩa* (Phùng Quán), *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Quê nội*, *Tặng sáng*, *Cái Thằng* (Võ Quảng), *Vừ A Dính* (Tô Hoài), *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng). Mỗi tác phẩm có một giọng điệu riêng, phù hợp với những không gian, nhân vật, hoàn cảnh và sự kiện khác nhau được tác giả lựa chọn để miêu tả. Có khi, tác phẩm như một lời tâm tình với giọng điệu nhẹ nhàng, êm ái như lời thủ thỉ của một nhân vật trữ tình trước vẻ đẹp thanh khiết của thiên nhiên như *Thỏ thẻ cùng mùa xuân* (Hoàng Thị Hồng), *Hỏi lá, hỏi hoa* (Cao Xuân Sơn), *Trăng khuyết*, *Trăng Thương* (Phan Tuy An), *Ông trăng qua núi*, *Trăng Mã Pì Lèng* (Dương Thuấn). Có khi tác phẩm lại cho các em cảm nhận được giọng vui tươi, dí dỏm như chính tâm hồn trẻ thơ của các em như *Thức và ngủ* (Phùng Ngọc Hùng), *Lời chào đi trước* (Nguyễn Hoàng Sơn), *Hát cùng những vì sao* (Đỗ Nhật Nam), *Lời chiếc gương soi* (Cao Xuân Sơn). Cũng có khi giọng điệu của tác phẩm lại giống như tiếng cười trong trẻo của trẻ nhỏ, vừa mang giọng kể, vừa mang giọng tả hành động, hoạt động của nhân vật như *Ông ốm* (Nguyễn Lâm Thắng), *Làm anh* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Đôi vai của mẹ* (Đình Bá Linh), *Ông* (Nguyễn Thị Hoàng Mai).

Trong mỗi tác phẩm văn học, bên cạnh giọng điệu chủ đạo, bao giờ cũng tồn tại nhiều sắc thái giọng điệu khác nhau. Các sắc thái giọng điệu đã trở thành phương tiện tham gia chuyên tải bức tranh hiện thực vào tác phẩm và thể hiện thái độ của người viết trước cuộc sống. Bởi vậy giọng điệu trong mỗi tác phẩm dành cho thiếu nhi luôn có sự thay đổi liên tục chứ không hề cứng nhắc để phù hợp với không khí và bối cảnh diễn ra câu chuyện. Người viết vận dụng linh hoạt các giọng điệu khác nhau sẽ thu hút, lôi cuốn, hấp dẫn các em khám phá tác phẩm một cách hào hứng nhất. Dù trẻ em còn ngây thơ, trong sáng nhưng chúng cũng rất giàu tình cảm và dễ xúc động vì vậy các tác phẩm viết cho thiếu nhi luôn đa dạng về giọng điệu để tạo ra những tiếng cười và truyền tải những bài học giáo dục nhân văn tới các em dễ dàng hơn.

3. KẾT LUẬN

Trong chặng đường phát triển hơn 80 năm qua, văn học thiếu nhi Việt Nam với những đặc trưng cơ bản đã định hình và hướng tới cho trẻ em một cách sống đầy lòng nhân ái với con người. Ngoài ra, văn học thiếu nhi Việt Nam còn góp phần giáo dục tình yêu quê hương, đất nước cho các em. Mỗi thời đại sẽ đổ bóng vào văn học những dấu ấn riêng. Văn học thiếu nhi cũng phản chiếu những phức hợp của thời đại, những vận động và đổi thay để hòa nhập và phát triển. Với bốn đặc trưng tiêu biểu trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật như: ngôn từ trong sáng, giản dị, dễ hiểu; giọng điệu đa dạng, linh hoạt, lôi cuốn; nội dung giàu tính giáo dục, phản ánh chân thực cuộc sống hồn nhiên, tươi vui, sinh động kích thích, phát huy năng lực tưởng tượng, sáng tạo của trẻ em, văn học thiếu nhi thực sự đã đóng góp những thành tựu quan trọng cho nền văn học chung của nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Thu Hà (2022). Thi pháp truyện thiếu nhi Việt Nam đương đại. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên (1998). *Từ điển Thuật ngữ văn học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thanh Hương (2016). Nhân vật trẻ em trong văn xuôi thiếu nhi Việt Nam. *Luận án Tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Nguyễn Lâm (2003). *Từ điển từ và từ ngữ Hán Việt*. Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Phong Lê (1993). Đi tìm đặc trưng của văn học cho thiếu nhi. *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.27.
6. Hoàng Phê chủ biên (2014). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng.
7. Lê Thị Quế (2022). Thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay. *Luận án Tiến sĩ Văn học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Vân Thanh (2003). *Văn học thiếu nhi Việt Nam: Nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận – tư liệu*. Tập 1, Nxb. Kim Đồng.
9. Bùi Thanh Truyền, Trần Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thanh Tâm (2012). *Giáo trình Văn học 2*. Nxb. Đại học Huế.
10. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2017). Giọng điệu nghệ thuật trong truyện ngắn Ma Văn Kháng thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 2(33), tr.170.

FEATURES OF VIETNAMESE CHILDREN’S LITERATURE

Abstract: *Vietnamese children's literature has appeared since the 30-40s of the 20th century and had typical works, but it was not until 1945 that it really developed consciously with an increasing pool of authors, and an increasingly rich content with its own characteristics reflected. Researchers have shown that Vietnamese children's literature has both the basic characteristics of Vietnamese literature and its specificity because the target audience is mainly children. Inheriting the research results of previous scholars and basing on synthesizing the sources of assessment materials on Vietnamese children's literature, this paper will point out some basic features of Vietnamese children's literature to some extent help readers have a general overview of this content.*

Keywords: *Children's literature, Vietnamese literature, features.*